DANH SÁCH CÁC HỘ ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TẠI TỔ DÂN PHỐ SỐ 2, THỊ TRẤN KÉP, HUYỆN LẠNG GIANG
(Kèm theo Phiếu trình số /PT-CNVPĐKĐĐ ngày tháng năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang)

STT	Thông tin trước khi cấp đổi						Thông tin sau khi cấp đổi						Ghi chú
	Chủ sử dụng đất	Tờ số	Thửa số	Diện tích (m^2)	Loại đất	GCN QSDĐ số (xeri)	Chủ sử dụng đất	Tờ số	Thửa số	Diện tích (m^2)	Loại đất	GCN QSDĐ số (xeri)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Hộ bà Quản Thị Mý	8	3	395,0	SXNN	Q 861904	Hộ bà Quản Thị Mý	86	95	428,2	SXNN		
	Hộ ông Quản Văn Dụ	7	73	367,4	ODT	U 855081	Hộ ông Quản Văn Dụ	92	26	367,4	ODT		
	Hộ ông Quản Vũ Lập	7	10	554,7	ODT: 360 CLN: 194.7	Đ 247753	Hộ ông Quản Vũ Lập	91	185	556,7	ODT: 360 CLN: 196.7		
	Hộ bà Tạ Thị Lương	7	70	520,9	ODT: 360 CLN: 160.9	Đ 247754	Hộ bà Tạ Thị Lương	92	23	531,6	ODT: 360 CLN: 171.6		
	Hộ ông Quản Văn Mạnh	7	214	518,8	SXNN	Q 861906	Hộ ông Quản Văn Mạnh	87	67	497,9	SXNN		
		7	310	517,4	SXNN			95	86	537,5	SXNN		
	Hộ ông Quản Văn Hợp	7	5	662,7	ODT: 360 CLN: 302.7	U 855085	Hộ ông Quản Văn Hợp	92	4	506,1	ODT: 360 CLN: 146.1		
	Hộ ông Quản Văn Hợp	7	13	517,4	SXNN	Q 753087	Hộ ông Quản Văn Hợp	86	22	533,5	SXNN		
		5	14	238,1	SXNN			87	22	239,6	SXNN		
		5	13	140,7	SXNN			87	28	141,4	SXNN		
		1	23	556,4	SXNN			87	66	529,4	SXNN		
	Hộ ông Quản Văn Ký	7	297	552,0	ODT: 360 CLN: 192	Đ 247752	Hộ ông Quản Văn Ký	91	187	553,5	ODT: 360 CLN: 193.5		
	Hộ bà Quản Thị Sinh	7	4	214,6	ODT	Đ 247755	Hộ bà Quản Thị Sinh	92	3	220,7	ODT: 214.6 CLN: 6.1		
	Hộ bà Quản Thị Sinh	3	2	437,9	SXNN	Q 753091	Hộ bà Quản Thị Sinh	86	58	430,6	SXNN		
	Bà Kiều Thị Hồng	11	27	71,8	ODT	BR 423295	Bà Kiều Thị Hồng	96	130	71,8	ODT		
	Hộ ông Trịnh Đình Sơn	7	87	245,7	SXNN	Q 753090	Hộ ông Trịnh Đình Sơn	91	49	194,2	SXNN		
	Ông Chu Văn Quang và bà Ngô Thị Thanh Quyến	1	89	78,4	ODT	BY 954721	Ông Chu Văn Quang và bà Ngô Thị Thanh Quyến	91	190	78,4	ODT		
	Hộ ông Nguyễn Hùng Anh	1	30	75,7	ODT	U 855144	Hộ ông Nguyễn Hùng Anh	91	83	75,7	ODT		
	Hộ ông Hàn Huy Cường và bà Nguyễn Thị Thoa	1	85	112,0	ODT	BB 148098	Hộ ông Hàn Huy Cường và bà Nguyễn Thị Thoa	91	191	122,1	ODT: 112 CLN: 10.1		
	Hộ ông Hàn Huy Cường	1	19	118,9	ODT	U 855152	Hộ ông Hàn Huy Cường	91	194	118,9	ODT		
	Hộ ông Phan Đức Nghĩa và bà Hàn Thị Tân	1	88	80,1	ODT	BD 151173	Hộ ông Phan Đức Nghĩa và bà Hàn Thị Tân	91	198	80,1	ODT		
	Ông Phan Đức Nghĩa và bà Hàn Thị Tân	2	26	58,4	ODT	BK 939287	Ông Phan Đức Nghĩa và bà Hàn Thị Tân	96	1	58,4	ODT		
	Hộ bà Đỗ Thị Liên	7	117	135,1	SXNN	Q 861901	Hộ bà Đỗ Thị Liên	39	294	292,1	SXNN		
		7	109	155,7	SXNN			91	86	235,2	SXNN		

	Ông Nguyễn Văn Dũng	2	2	60,0	ODT	U 855175	Ông Nguyễn Văn Dũng	91	53	60,0	ODT		
	Hộ bà Dương Thị Gái	7	19	264,7	ODT	U 855082	Hộ bà Dương Thị Gái	91	199	276,2	ODT: 264.7 CLN: 11.5		
	Hộ ông Bùi Văn Hòa	7	38	505,8	ODT: 360 CLN: 145.8	Đ 247750	Hộ ông Bùi Văn Hòa	92	192	518,9	ODT: 360 CLN: 158.9		
	Hộ ông Bùi Văn Hòa	4	63	270,9	SXNN	Q 753076	Hộ ông Bùi Văn Hòa	39	408	417,2	SXNN		
		5	22	556,7	SXNN			86	121	379,1	SXNN		
								86	130	328,2	SXNN		
		4	58	369,4	SXNN			87	41	565,1	SXNN		
	Ông Nguyễn Văn Thưởng và bà Nguyễn Thị Hạt	6	168	64,2	ODT	CO 506645	Ông Nguyễn Văn Thưởng và bà Nguyễn Thị Hạt	91	178	64,2	ODT		
	Hộ ông Vũ Đức Phú và bà Nguyễn Thị Ngọc	2	108	152,5	ODT: 100 CLN: 52.5	AO 780241	Hộ ông Vũ Đức Phú và bà Nguyễn Thị Ngọc	92	68	155,5	ODT: 100 CLN: 55.5		
	Ông Vũ Sơn Hải và bà Trần Thị Hòa	6	152	240,0	ODT: 50 CLN: 190	CI 478655	Ông Vũ Sơn Hải và bà Trần Thị Hòa	91	201	240,5	ODT: 50 CLN: 190.5		
	Ông Nguyễn Văn Hoàn	1	85	89,6	ODT	AP 107101	Ông Nguyễn Văn Hoàn	91	80	84,5	ODT		
	Ông Phạm Sỹ Dược	2	16	82,5	ODT	U 855168	Ông Phạm Sỹ Dược	92	64	69,6	ODT		
	Hộ ông Dương Thanh Sơn	2	12	78,0	ODT	U 855190	Hộ ông Dương Thanh Sơn	47	92	68,1	ODT		
	Ông Trần Xuân Hòa và bà Nguyễn Thị Oanh	6	143	79,2	ODT	CA 811915	Ông Trần Xuân Hòa và bà Nguyễn Thị Oanh	91	202	79,2	ODT		
	Ông Trần Xuân Hòa	2	111	142,8	ODT: 50 CLN: 92.8	BI 475933	Ông Trần Xuân Hòa	92	194	142,8	ODT: 50 CLN: 92.8		
	Ông Đặng Huy Cường và bà Vũ Thị Hồng Yến	7	136	201,3	ODT: 195.6 CLN: 5.7	CO 506209	Ông Đặng Huy Cường và bà Vũ Thị Hồng Yến	92	188	201,4	ODT: 195.6 CLN: 5.8		
	Hộ ông Dương Văn Hoàn và bà Cao Thị Hằng	7	99	961,5	ODT: 240 CLN: 721.5	AO 780213	Hộ ông Dương Văn Hoàn và bà Cao Thị Hằng	92	43	415,7	ODT: 240 CLN: 175.7		
							Hộ ông Dương Văn Hoàn và bà Cao Thị Hằng	92	44	520,8	CLN		
	Hộ ông Nguyễn Văn Chung	2	72	134,5	ODT	Đ 247665	Hộ ông Nguyễn Văn Chung	96	132	134,5	ODT		
	Ông Phạm Xuân Bằng	11	61	133,1	ODT	BU 565337	Ông Phạm Xuân Bằng	96	61	132,0	ODT		
	Hộ ông Dương Hồng Thuấn	2	14	76,7	ODT	U 875602	Hộ ông Dương Hồng Thuấn	92	197	76,7	ODT		
	Bà Nguyễn Thị Nhung	3	70	85,0	ODT	Đ 247674	Bà Nguyễn Thị Nhung	96	52	82,1	ODT		
	Ông Hàn Văn Bình	2	27	108,1	ODT	U 855147	Ông Hàn Văn Bình	92	198	108,1	ODT		
	Hộ ông Hàn Văn Bình	1	37	201,8	ODT	Đ 247664	Hộ ông Hàn Văn Bình	91	204	201,8	ODT		
	Hộ ông Đinh Văn Dậu	2	36	408,0	ODT	U 855156	Hộ ông Đinh Văn Dậu	92	91	266,9	ODT		
	Hộ ông Đỗ Xuân Doanh và bà Nguyễn Thị Chính	3	8	1030,8	ODT: 360 CLN: 670.8	AL 799604	Hộ ông Đỗ Xuân Doanh và bà Nguyễn Thị Chính	95	218	1064,1	ODT: 360 CLN: 704.1		

Tổng:				**0,0**						**0,0**			